



TỈNH BẠC LIÊU

Tài liệu

SINH HOẠT CHI ĐOÀN THÁNG 5



BIÊN TẬP: BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN BẠC LIÊU

I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Bác Hồ với việc chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho giai cấp công nhân Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam mà đội quân tiên phong của Đảng là giai cấp công nhân. Ngoài việc chú trọng nâng cao vai trò, năng lực và tính tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, Người còn quan tâm đến việc chăm lo, bảo vệ sức khỏe cho đội ngũ công nhân và nhân dân lao động nước ta.

Cho nên, kể từ khi miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa cho tới khi Bác đi xa, mặc dù bận trăm công nghìn việc với cương vị là Chủ tịch nước, Bác Hồ vẫn dành nhiều thời gian đi thăm hỏi và chỉ bảo cán bộ, công nhân ở các nhà máy, xí nghiệp.

Trong các chuyến thăm hỏi đó, Bác đặc biệt chú ý đến vấn đề vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cho công nhân. Sự chăm lo đó đi từ những sinh hoạt bình thường nhất có thể ảnh hưởng tới đời sống và sức khỏe của công nhân. Bác quan tâm từ bếp ăn, công rãnh, nhà tiêu... của tập thể cũng như các gia đình công nhân. Vì người nghĩ rằng: *“Nếu đời sống được cải thiện và mọi người được khoẻ mạnh thì sẽ phấn khởi thi đua sản xuất...”*. Đi tới đâu Bác cũng căn dặn: *“... cán bộ phụ trách phải luôn luôn chú ý săn sóc đến đời sống của công nhân”*. Bác ân cần chăm lo đời sống và sức khỏe của công nhân bằng một tấm lòng của một người cha già nhân hậu đối với con cháu trong nhà...

Theo ý Bác, việc giữ gìn, bảo vệ sức khỏe không chỉ đơn thuần là công việc của các thầy thuốc, mà là trách nhiệm chung của tất cả mọi người. Mặt khác, muốn có sức khỏe tốt cũng không phải chỉ giữ gìn vệ sinh tốt là đủ, mà còn phải tăng cường rèn luyện thân thể, sinh hoạt điều độ và phải bảo đảm an toàn trong lao động. Ngày 25/12/1958, khi đến thăm Nhà máy cơ khí Hà Nội, Bác đã căn dặn mọi người phải đoàn kết, tôn trọng kỷ luật lao động, chống làm bừa làm ẩu. Người nhấn mạnh: *“phòng bệnh hơn chữa bệnh”*.

Khi coi người lao động là vốn quý nhất thì việc chăm lo bảo vệ sức khỏe cho con người lao động chính là nhằm bảo vệ cái *“vốn quý nhất”* đó. Ở đây, lời khuyên của Bác không chỉ là sự quan tâm thông thường mà nó mang đậm tính nhân văn sâu sắc của một tấm lòng, một con người suốt đời phấn đấu vì nước vì dân. Tính nhân văn đó là cội nguồn, là sức sống của một tấm lòng nhân hậu còn sống mãi trong lòng mọi người. Trong khi Bác động viên mọi người hăng hái, tích cực lao động sản xuất, Bác không chỉ đơn giản nghĩ tới kết quả lao động mà lao động nhằm cải thiện và nâng cao đời sống của người công nhân và nhân dân lao động. Đó mới chính là mục đích của lao động. Xét đến cùng, đây cũng là một quan niệm giữ gìn và bảo vệ sức khỏe cho con người lao động. Xem xét ở

góc độ này, chúng ta mới càng nhận thấy sự vĩ đại nhưng vô cùng giản dị và nhân hậu của tấm lòng Bác Hồ.

Trong lời phát biểu ở Trường cán bộ công đoàn, Bác đã nhấn mạnh: “*Mục đích của công đoàn là phải cải thiện đời sống công nhân...*”. Như vậy, theo quan niệm của Bác, để bảo vệ sức khỏe của công nhân và người lao động cần chú ý tới nhiều yếu tố, trong đó việc cải thiện đời sống người lao động là một yếu tố quan trọng. Bởi vì, khi đời sống của công nhân và người lao động được cải thiện cũng có nghĩa là đã góp phần bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho người lao động. Việc tìm mọi biện pháp để bồi dưỡng, tăng thể lực cho người lao động mới thực sự là cách chăm lo thiết thực, đầy nhân ái của Bác. Chữa bệnh là một biện pháp bảo vệ sức khỏe, song đó chỉ là một biện pháp đối phó, bị động, “*cực chẳng đã*”, còn phòng bệnh mới thực là một giải pháp tốt nhằm bảo vệ sức khỏe cho con người. Một trong những biện pháp phòng bệnh có hiệu quả là cải thiện đời sống cho người lao động.

Ngoài ra giải pháp phòng bệnh không kém phần quan trọng là việc giữ gìn vệ sinh sạch sẽ để tạo ra môi trường sống trong lành. Cho nên, đến thăm và làm việc với bất cứ nhà máy nào, xí nghiệp nào, Bác cũng đều quan tâm và khuyên răn mọi người phải giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường trong sạch.

Như vậy, theo quan niệm của Bác, việc giữ gìn sức khỏe không chỉ đơn thuần là công sức của các thầy thuốc, không chỉ riêng ngành y tế quan tâm mà đây là trách nhiệm chung của mọi người, của toàn xã hội.

Theo Bác, việc bảo vệ giữ gìn sức khỏe cho người lao động, cho giai cấp công nhân không chỉ là trách nhiệm chung của tất cả mọi người, mà còn là mục tiêu, là trách nhiệm to lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Bác Hồ là lãnh tụ, song người không chỉ dành riêng tâm trí cho những chiến lược to lớn của đất nước mà Người luôn dành sự quan tâm chăm lo đến những sinh hoạt rất đời thường của đội ngũ công nhân và nhân dân lao động. Thực ra, những chiến lược to lớn mà Bác đề ra cũng không ngoài mục đích làm cho dân giàu nước mạnh, mọi người được ấm no, hạnh phúc.

(*Nguồn: dangcongsan.vn*)

II. DI TÍCH LỊCH SỬ TRONG NƯỚC

Khu di tích chiến thắng Điện Biên

Khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ là một quần thể các di tích lịch sử ghi lại chiến công của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược. Hiện nay, nơi đây đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt. Các di tích nổi bật của chiến trường Điện Biên năm xưa là đồi A1, C1, C2, D1, cứ điểm Hồng Cúm, Him Lam, đồi Độc Lập, cầu và sân bay Mường Thanh, hầm chỉ huy của tướng Đờ Catri.



Khu di tích chiến thắng Điện Biên Phủ

Khu di tích chiến trường Điện Biên Phủ là một quần thể các di tích lịch sử ghi lại chiến công của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược. Hiện nay, nơi đây đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt. Các di tích nổi bật của chiến trường Điện Biên năm xưa là đồi A1, C1, C2, D1, cứ điểm Hồng Cúm, Him Lam, đồi Độc Lập, cầu và sân bay Mường Thanh, hầm chỉ huy của tướng Đờ Catri.

Đồi A1

Nằm ở phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, là cứ điểm quan trọng bậc nhất trong tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ. Đồi A1 nằm dài theo hướng tây bắc – Đông Nam, bao gồm 2 đỉnh: nơi này cao hơn 490m, Đông Nam cao hơn 493m. A1 là ký hiệu mà quân đội Việt Nam đặt cho quả đồi. Sáng ngày 7/5/1954 quân đội Việt Nam đã chiếm được đồi A1.



Di tích Đồi A1

Hiện nay, trên đỉnh nơi đây của đồi A1 có đài kỷ niệm được xây theo kiểu “Tam sơn”, ở giữa cao, hai bên thấp và đều có hình mái đầu đao. Phía trước là lư hương, ở giữa là tấm bia, phù hiệu Quốc kỳ, sao vàng nền tròn đỏ, xung quanh là vòng tương hoa.

Bên cạnh đài kỷ niệm là xác một trong hai chiếc xe tăng nặng 18 tấn mà tên Quan Ba Hécvuê đưa từ trung tâm Mường Thanh lên để phản kích quân đội Việt Nam. Một di tích quan trọng nữa là cái hố hình phễu to bằng cái "ao đình" cạn. Đó là dấu tích trận nổ khối bộc phá nghìn cân của quân ta mà chiến sĩ ta thường gọi "đào hầm để trị hầm", trị cả hầm, cả lô cốt cố thủ của giặc.

Hầm chỉ huy của tướng Đờ Cát

Nằm ở trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, thuộc cánh đồng Mường Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.



Cấu trúc và cách bố trí, sắp xếp của căn hầm vẫn còn được giữ nguyên. Xung quanh hầm là hàng rào phòng thủ với hệ thống dây kẽm gai dày đặc và bốn chiếc xe tăng. Hầm Đờ Cát dài 20m và rộng 8m, bao gồm bốn gian dùng cho cả nơi ở và làm việc.

Vào lúc 17h30 ngày 7/5/1954, Tạ Quốc Luật, chỉ huy trưởng đại đội 360, trung đoàn 209, sư đoàn 312 đã bắt sống tướng Đờ Cát tại bàn làm việc.

Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ

Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ nằm trong một khu rừng nguyên sinh tại địa phận xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, cách thành phố Điện Biên Phủ 25 km về phía đông. Đây là nơi làm việc của các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái...



Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên phủ

Gần với Sở chỉ huy có đài quan sát trên đỉnh núi độ cao trên 1.000m, từ đài quan sát này có thể bao quát hoạt động và diễn biến ở thung lũng Mường Thanh. Sở chỉ huy gồm:

- Chòi canh gác số 1
- Hầm thông tin liên lạc
- Đài quan sát
- Lán ở và làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp
- Lán ở và làm việc của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái
- Đường hầm xuyên núi dài 96m nối liền lán của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái
- Hầm của ban cố vấn Trung Quốc
- Nhà hội trường
- Hầm ban chính trị

Bảo tàng Điện Biên Phủ

Nằm đối diện với nghĩa trang liệt sĩ trên đồi A1, ở trung tâm thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bảo tàng Điện Biên Phủ được xây dựng vào năm 1984 nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Vào cuối năm 2003, bảo tàng Điện Biên Phủ đã tiến hành nâng cấp và chỉnh lý lại

khu trưng bày. Đến nay bảo tàng có 5 khu trưng bày với 274 hiện vật và 122 bức tranh theo từng chủ đề sau:

- Vị trí chiến lược của Điện Biên Phủ
- Tập đoàn cứ điểm của địch tại Điện Biên Phủ
- Đảng chuẩn bị đường lối chỉ đạo cho chiến dịch Điện Biên Phủ
- Ảnh hưởng của chiến thắng Điện Biên Phủ
- Điện Biên Phủ ngày nay

IV. LỊCH SỬ CÁC NGÀY LỄ, KỶ NIỆM



Theo dòng lịch sử **THÁNG 5**



**Kỷ niệm 138 năm
Ngày Quốc tế lao động
(01/5/1886 - 01/5/2024)**



**Kỷ niệm 206 năm
Ngày sinh C.Mác
(05/5/1818 - 05/5/2024)**



**Kỷ niệm 122 năm Ngày
sinh đồng chí Phan Đăng Lưu
(05/5/1902 - 05/5/2024)**



**Kỷ niệm 70 năm Ngày
Chiến thắng Điện Biên Phủ
(07/5/1954 - 07/5/2024)**



**Kỷ niệm 83 năm Ngày
Thành lập Đội thiếu niên
tiền phong Hồ Chí Minh
(15/5/1941 - 15/5/2024)**



**Kỷ niệm 83 năm Ngày
Thành lập Mặt trận Việt Minh
(15/5/1941 - 15/5/2024)**

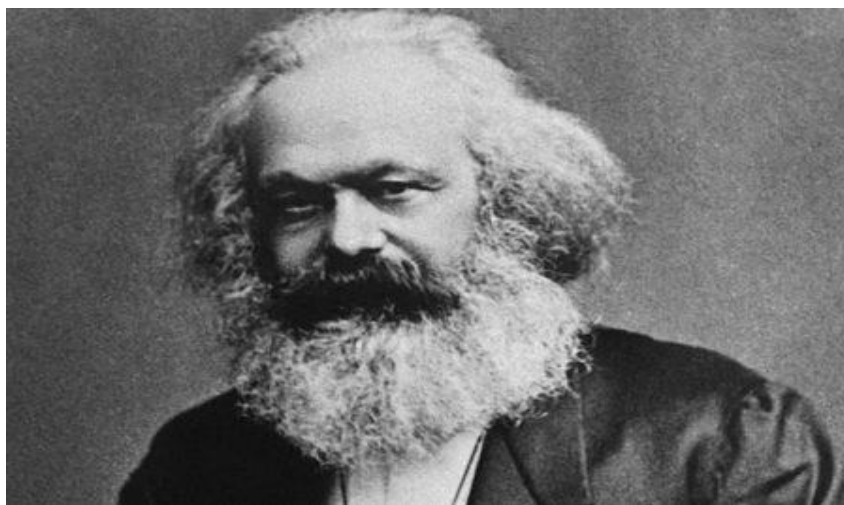


**Kỷ niệm 134 năm Ngày
sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh
(19/5/1890 - 19/5/2024)**



Sơ lược về thân thế và sự nghiệp của Các Mác

Các Mác (Karl Marx) sinh ngày 5/5/1818 ở Tơ-ria, vùng Rai-nơ, nước Đức. Cha của C. Mác là luật sư Hen-rich Mác. Mùa thu 1830, C. Mác vào học ở trường trung học Tơ-ria. Ngay từ lúc còn nhỏ, C. Mác đã tỏ rõ tài năng của mình, thể hiện là một thanh niên biết gắn hạnh phúc của mình với hạnh phúc của mọi người. Sau khi tốt nghiệp trung học, C. Mác vào học khoa luật trường đại học tổng hợp ở Bon, rồi sau đó học ở trường đại học tổng hợp Béc-lin. Ngoài việc học tập tại khoa luật, C. Mác còn nghiên cứu triết học, lịch sử cũng như lịch sử nghệ thuật, dịch các tác phẩm của các tác giả cổ điển sang tiếng Đức, học tiếng Anh và tiếng I-ta-li-a.



Các Mác - nhà tư tưởng vĩ đại

Tháng 4/1842, C. Mác bắt đầu cộng tác với Báo Rai-nơ (Rheinische Zeitung), cơ quan phát ngôn của phái đối lập tư sản ở Rai-nơ. Tháng 10/1842, C. Mác trở thành tổng biên tập của tờ báo này. Trong các bài báo, Mác đã phê phán các chính phủ đương thời ở Đức, Anh, Pháp và bênh vực quyền lợi của nông dân, phát biểu những tư tưởng triết học của mình. Thời kỳ này, C. Mác đang chuyển từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản.

Tháng 6/1843, C. Mác kết hôn với Gi-en-ni Phôn Ve-xơ-pha-len. Tháng 10/1843, C. Mác đến Pa-ri, thủ đô nước Pháp, tiếp tục viết báo. Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1844, C. Mác gặp Ph.Ăngghen ở Pa-ri. Tình bạn vĩ đại và cuộc đấu tranh chung của hai người cho sự nghiệp của giai cấp công nhân bắt đầu từ đó. C. Mác và Ph.Ăngghen tích cực tham gia sinh hoạt với các nhóm cách mạng ở Pa-ri, hai ông đấu tranh quyết liệt chống mọi thứ học thuyết của chủ nghĩa xã hội tư sản và tiểu tư sản, đồng thời sáng lập ra lý luận của chủ nghĩa xã hội vô sản cách mạng, hay là chủ nghĩa cộng sản. Tháng 2/1845, C. Mác bị trục xuất khỏi Pa-ri và bị coi là một nhà cách mạng nguy hiểm. C. Mác sang Bruy-xen, thủ đô nước Bỉ.

Tháng 1/1847, C. Mác và Ph.Ăngghen gia nhập Liên đoàn những người cộng sản. Đó là tổ chức đầu tiên mang tính chất quốc tế của phong trào công nhân, gồm nhiều nhà lãnh đạo của các hội công nhân ở Đức, Anh, Pháp, Bỉ,

Hung-ga-ri, Ba Lan... Theo yêu cầu của Đại hội lần thứ hai của Liên đoàn, họp tháng 11/1847 ở Luân Đôn, thủ đô nước Anh, C. Mác và Ph.Ăngghen thảo bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, xuất bản tháng 2/1848. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là văn kiện đầu tiên có tính chất cương lĩnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tháng 3/1848, C. Mác bị trục xuất khỏi nước Bỉ và về ở Pa-ri, rồi sau đó trở về Đức, xuất bản Báo Rai-nơ mới. Bị truy tố trước tòa án, tháng 6/1849, C. Mác bị trục xuất khỏi nước Đức và sang ở Pa-ri. Tháng 8/1849, C. Mác lại bị trục xuất khỏi Pa-ri và sang Luân Đôn cho đến khi mất.

Ở Luân Đôn, C. Mác viết các tác phẩm tổng kết kinh nghiệm các cuộc đấu tranh cách mạng ở Pháp từ 1848 đến 1851, các tác phẩm về triết học, kinh tế chính trị học. Năm 1867, quyển đầu tiên của bộ Tư bản ra đời. Bộ Tư bản nêu ra lý luận về sự phát sinh, phát triển và diệt vong của chủ nghĩa tư bản; nó chứng minh bằng lý luận hết sức chặt chẽ và chính xác *“lịch sử đẫm máu của chủ nghĩa tư bản”*, sự sụp đổ tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa cộng sản. Bộ Tư bản xây dựng cơ sở lý luận khoa học cho chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội từ chỗ là *“chủ nghĩa xã hội không tưởng”* của các nhà tư tưởng trước Mác trở thành *“chủ nghĩa xã hội khoa học”*. Bộ Tư bản là ngọn đèn pha soi sáng cho cách mạng vô sản thế giới, vũ trang cho giai cấp vô sản lý luận và niềm tin không gì lay chuyển nổi về sứ mệnh lịch sử của mình, về sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới. Cùng với Tuyên ngôn của Đảng cộng sản bộ Tư bản là bộ sách gối đầu giường của những người vô sản giác ngộ. Khi quyển 1 của Bộ Tư bản được xuất bản, nó đã được Ph.Ăngghen ví như một tiếng sét giữa bầu trời quang đặng của chủ nghĩa tư bản.

C. Mác không chỉ là nhà lý luận thiên tài mà còn là nhà cách mạng vĩ đại. Trong bối cảnh phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, Mác ra sức hoạt động thực tiễn. Năm 1864, ở Luân Đôn thành lập Hội liên hiệp quốc, tức là Quốc tế thứ nhất. Mác là người cổ vũ và lãnh đạo chủ chốt của Quốc tế thứ nhất, đấu tranh chống lại các thứ chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, chống bọn vô chính phủ và định ra sách lược cách mạng cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Cuộc đời chiến đấu quyết liệt và không mệt mỏi chống mọi kẻ thù của giai cấp vô sản, chống lại các thứ trào lưu tư tưởng tư sản, sự làm việc rất khẩn trương mà công tác lý luận đòi hỏi, sự nghèo khổ của cuộc sống lưu vong cộng với bệnh tật và những đau thương trong gia đình làm cho sức khỏe của Mác ngày càng suy yếu. Ngày 2 tháng 12 năm 1881, Gien-ni mất. Đến ngày 14 tháng 3 năm 1883, Mác yên giấc nghìn thu trên chiếc ghế bành, trước bàn làm việc. Trong bức thư báo tin buồn cho bạn, Ph.Ăng-ghen viết: *“Thế là cái trí tuệ mạnh mẽ nhất của Đảng ta đã ngừng suy nghĩ, trái tim mạnh mẽ nhất mà tôi chưa từng thấy đã ngừng đập mất rồi”*. Và khi đọc điều văn trước mộ Mác, Ph.Ăng-ghen nói: *“Con người ấy mất đi, thật không sao có thể lường cho hết tổn thất đối với giai cấp vô sản chiến đấu của châu Âu và châu Mỹ, tổn thất đối với khoa*

học lịch sử. Không bao lâu, chúng ta sẽ cảm thấy nỗi trống trải sau cái chết của bậc vĩ nhân ấy”.

Từ lúc còn trẻ, Mác và Ăngghen đã có sự thống nhất chặt chẽ về tư tưởng và tình cảm, thường cùng làm việc với nhau mỗi khi ở gần nhau. Sau khi cuộc cách mạng năm 1848 ở Đức bị thất bại, Ăngghen phải đến làm việc ở Man-se-xtơ, một thành phố công nghiệp ở Anh lấy tiền giúp đỡ gia đình C. Mác. Còn C. Mác thì ở Luân Đôn. Trong gần hai mươi năm xa nhau, mỗi ngày hai người đều viết cho nhau những ý nghĩ của mình về những sự biến chính trị và khoa học đương thời, cùng nhau trao đổi công việc. Mác rất tự hào về đạo đức và tài trí của Ăngghen.

Ca ngợi tình bạn vĩ đại, mối quan hệ khăng khít, bền lâu giữa Mác với Ăngghen, V.I.Lênin viết: *“Chuyện cổ kể lại những tấm gương rất cảm động về tình bạn. Nhưng giai cấp vô sản châu Âu có thể nói rằng khoa học của mình đã do hai nhà bác học và chiến sĩ ấy sáng tạo ra, những quan hệ cá nhân giữa hai người đã vượt tất cả những chuyện cổ cảm động nhất của người xưa nói về tình bạn”.*

Một mối tình sâu sắc đã gắn bó Mác với Gien-ni. Hai người biết nhau từ lúc còn nhỏ, cùng lớn lên bên nhau. Gien-ni hơn Mác 4 tuổi, là chị gái của Ét -ga (một người bạn thân của Mác). Gien-ni rất đẹp, thông minh và có học thức so với những người con gái lúc bấy giờ. Lúc đính hôn, Mác mới 17 tuổi. Sau bảy năm đợi chờ, hai người lấy nhau và từ đấy không bao giờ rời nhau trong cuộc đời xông pha bão táp, trong những năm tháng lưu vong, nghèo túng. Đức dịu hiền và lòng trung thành của Gien-ni đã an ủi cuộc đời sóng gió của Mác. Bà rất yêu mến phong trào công nhân. Cho đến lúc chết, bà vẫn tin theo chủ nghĩa cộng sản.

Mác là một người cha hiền từ và rộng lượng. Các con rất yêu quý Mác. Mác có ba người con gái và hai con trai, các con rất yêu quý Mác.

Cuộc đời và sự nghiệp của Mác đã hòa hợp một cách hữu cơ những đặc điểm của một nhà bác học vĩ đại, một nhà nghiên cứu không biết mệt mỏi, một người phát hiện đầu tiên những chân lý khoa học, một nhà chính luận cách mạng nồng nhiệt, một nhà chiến lược và sách lược vô sản sáng suốt, một nhà lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng quần chúng vô sản. Mác nổi bật về đức tính cao cả của con người, giản dị, nhiệt tình và yêu đời, có ý chí bất khuất và năng lực lao động khác thường, can đảm và anh dũng. Đó là một cuộc đời đầy gian khổ nhưng vô cùng xán lạn, một mẫu mực về tính khoa học và tình cảm cách mạng cao cả. Mác đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Cuộc đời và hoạt động của Mác đã đi vào lịch sử nhân loại với vị trí nổi bật trong hàng ngũ những vĩ nhân, đúng như Ăngghen nói: *“Tên tuổi Người, sự nghiệp của Người sống mãi nghìn thu!”.*

(Nguồn: Báo Quân khu)

Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 Sự kiện mang giá trị và tầm vóc thời đại

Năm 1954, trên đại ngàn Tây Bắc đất nước, quân và dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đập bằng mọi khó khăn thử thách, đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mạnh nhất Đông Dương của thực dân Pháp và can thiệp của đế quốc Mỹ, dựng lên mốc son chói lọi trong dòng chảy lịch sử dân tộc, đồng thời làm “*chân động địa cầu*”, tác động mạnh đến phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Trận quyết chiến chiến lược

Đến năm 1953, sau 8 năm trở lại xâm lược Đông Dương, dù đã huy động tiềm lực kinh tế, quân sự đến mức cao nhưng thực dân Pháp vẫn không đạt được mục đích cơ bản đề ra là tiêu diệt chính phủ cách mạng và lực lượng kháng chiến, thiết lập lại nền cai trị trên toàn Đông Dương như trước năm 1945. Trái lại, chúng phải chịu những tổn thất nặng nề: bị thiệt hại 390.000 quân, vùng chiếm đóng thu hẹp, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng ngày càng sâu sắc...

Mặt khác, những khó khăn về kinh tế, tài chính và phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong nước ngày càng dâng cao đẩy chính phủ Pháp rơi vào cuộc khủng hoảng chính trị mới. Lợi dụng tình thế này, đế quốc Mỹ tăng cường can thiệp vào Đông Dương, tích cực viện trợ cho Pháp kéo dài và mở rộng cuộc chiến nhằm phục vụ cho chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

Tháng 5/1953, chính phủ Pháp cử tướng Nava - người được đánh giá là “*một nhà chiến lược văn võ kiêm toàn*” sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh ở Đông Dương với hy vọng sớm giành thắng lợi quân sự quyết định, tìm “*lối thoát danh dự*” dứt điểm cuộc chiến tranh. Sau một thời gian tìm hiểu tình hình chiến trường, tháng 7/1953, tướng Nava đề ra kế hoạch quân sự mới ở Đông Dương (còn gọi Kế hoạch Nava), gồm hai bước:

Bước 1 (Thu Đông năm 1953 và Xuân năm 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, tránh giao chiến với chủ lực đối phương; tiến công chiến lược ở chiến trường phía nam, đánh chiếm các căn cứ kháng chiến, trước hết là vùng tự do Liên khu 5 và Khu 9 của cách mạng; đồng thời ra sức bắt lính mở rộng ngụy quân, tập trung xây dựng khối chủ lực cơ động mạnh.

Bước 2 (từ Thu Đông năm 1954): dồn lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện các đòn tiến công chiến lược, tiêu diệt quân chủ lực đối phương để giành thắng lợi quyết định, buộc chính phủ kháng chiến phải đầu hàng hoặc chấp nhận đàm phán kết thúc chiến tranh theo những điều kiện do Pháp đặt ra.

Cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đều đánh giá kế hoạch Nava là “*hoàn hảo, phù hợp*”, sẽ mang đến thắng lợi trong vòng 18 tháng!

Thực hiện kế hoạch quân sự mới đề ra, thực dân Pháp mở nhiều cuộc hành quân đánh phá, càn quét bình định, ra sức bắt lính; đồng thời đưa thêm

hiều đơn vị quân viễn chinh vào Đông Dương. Chỉ sau một thời gian ngắn, địch đã củng cố, xây dựng được 84 tiểu đoàn cơ động chiến lược, trong đó tập trung 44 tiểu đoàn ở đồng bằng Bắc Bộ.

Về phía ta, cuối tháng 9/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn, đề ra chủ trương chiến lược cho hoạt động quân sự Đông Xuân 1953 – 1954. Sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch tương đối yếu, có nhiều sơ hở, đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; trong lúc đó, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch, tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích các vùng tự do để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ. Phương châm, nguyên tắc chỉ đạo tác chiến, chiến lược là: tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt; đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh.

Chấp hành chủ trương chiến lược đã đề ra, quân dân Việt Nam phối hợp chặt chẽ cùng với quân dân hai nước bạn Lào và Campuchia mở các cuộc tiến công trên khắp chiến trường Đông Dương buộc Pháp phải phân tán lực lượng đối phó. Khối chủ lực cơ động của địch từ chỗ tập trung chủ yếu ở Đồng bằng Bắc Bộ, chỉ sau một thời gian ngắn, chính thức “*bị xé nát*” thành 5 mảnh, đứng chôn chân trên 5 khu vực (*Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào*) mà hầu như không thể hỗ trợ được cho nhau.

Phối hợp với đòn tiến công của bộ đội chủ lực, ở chiến trường sau lưng địch, ta đẩy mạnh chiến tranh du kích nhằm bảo vệ căn cứ kháng chiến, chia cắt giao thông, tiến công diệt thêm đồn bót, căn cứ hậu cần, uy hiếp hệ thống phòng tuyến bên ngoài của địch... Sự phối hợp chiến đấu nhịp nhàng, rộng khắp đã đẩy quân Pháp lún sâu vào thế bị động. Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

Tại mặt trận Tây Bắc, từ tháng 11/1953, trước sự tiến công của quân ta, bộ chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương quyết định điều quân xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh. Trong toan tính của tướng Nava, Điện Biên Phủ giữ vị trí chiến lược quan trọng nhằm bảo vệ Tây Bắc, Thượng Lào. Mặt khác, nơi đây là thung lũng phì nhiêu (*dài 18 km, rộng 6 - 8 km*), giàu có nhất vùng Tây Bắc. Không gian và địa thế đó cho phép xây dựng một tập đoàn cứ điểm mạnh nhằm thu hút và đánh bại chủ lực đối phương.

Đến đầu tháng 3/1954, quân địch tập trung tại Điện Biên Phủ lên đến 16.200 tên, gồm những đơn vị bộ binh, pháo binh, công binh, xe tăng, không quân thuộc loại tinh nhuệ nhất ở Đông Dương; được bố trí thành hệ thống phòng ngự mạnh, gồm 49 cứ điểm, chia thành 3 phân khu. Cả Pháp và Mỹ đều đánh giá Điện Biên Phủ là “*pháo đài không thể công phá*”, công khai thách thức đối phương tiến công.

Về phía ta, sau khi phân tích kỹ tình hình mọi mặt, nhất là so sánh tương quan lực lượng địch - ta, Trung ương Đảng và Bộ chỉ huy tối cao đã quyết tâm mở chiến dịch tiến công Điện Biên Phủ - đòn quyết chiến chiến lược nhằm kết

thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được giao trọng trách Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch.

Với khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!*”, cả nước dồn sức cho chiến trường Điện Biên Phủ. Lực lượng tham gia chiến đấu lên đến 55.000 quân, gồm 3 đại đoàn bộ binh (308, 312, 316), Trung đoàn bộ binh 57 (Đại đoàn 304), Đại đoàn công binh - pháo binh 351. Trên 260.000 dân công và 27.400 tấn gạo được huy động để cung cấp cho chiến dịch. Hàng vạn thanh niên xung phong phối hợp cùng bộ đội công binh ngày đêm mở đường ra mặt trận dưới bom đạn địch, nên sau một thời gian ngắn, hàng ngàn km đường được xây dựng, sửa chữa. Công tác chuẩn bị các mặt trên vượt ra ngoài mọi dự đoán, tạo bất ngờ lớn đối với cả Pháp và Mỹ.

Ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng tiến công, mở màn chiến dịch. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng mãnh, vượt qua muôn vàn gian khổ, “*gan không núng, chí không mòn*”, chiều ngày 7/5/1954, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, bắt sống tướng chỉ huy De Castries (Đờ-cát), kết thúc thắng lợi trận quyết chiến chiến lược.

Ý nghĩa lịch sử trọng đại

Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 của quân dân Việt Nam đã đập tan những cố gắng quân sự cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, buộc chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Geneva (7/1954) công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ kéo dài 9 năm (1945 - 1954). Đồng thời, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp kéo dài hàng thế kỷ, mở ra bước phát triển mới cho cách mạng Việt Nam, Lào, Campuchia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 đập tan một mắt xích quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ, mở đầu cho sự sụp đổ trên phạm vi toàn thế giới; giáng đòn nặng nề đầu tiên vào dã tâm xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Nhà sử học Pháp Jules Roy sau này đã thừa nhận, xét trên phạm vi thế giới “*Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây, báo trước sự sụp đổ của các đế quốc thuộc địa và sự cáo chung của một nền cộng hòa. Tiếng sấm Điện Biên Phủ vẫn hã hầy còn vang vọng*”.

Cũng từ đây, “*tiếng sấm Điện Biên Phủ*” có sức cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh giành độc lập, nhất là các nước châu Phi, châu Mỹ Latinh; đồng thời góp phần làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin thời đại ngày nay: Một dân tộc bị áp bức, nhưng nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, có đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, biết phát huy sức mạnh chiến tranh nhân dân, sức mạnh thời đại thì hoàn toàn có khả năng đánh bại những đội quân xâm lược hung bạo. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống đáy và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn*”.

Chiến thắng Điện Biên Phủ bắt nguồn từ nhiều nhân tố: đó là đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng; từ tinh thần yêu nước nồng nàn và nghệ thuật quân sự truyền thống Việt Nam được kế thừa và phát triển lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh; bắt nguồn từ tình đoàn kết và liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương, sự giúp đỡ quan trọng của Trung Quốc, Liên Xô và sự đồng tình, ủng hộ từ bè bạn quốc tế, trong đó có nhân dân tiến bộ Pháp. Nhưng nguồn gốc sâu xa nhất chính là từ tình yêu quê hương đất nước, là khát vọng độc lập, tự do đến cháy bỏng của mỗi con dân đất Việt.

Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 để lại cho cách mạng Việt Nam những bài học kinh nghiệm rất quý báu: giữ vững và tăng cường phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở chủ trương, đường lối đúng đắn, kịp thời nắm bắt thời cơ, chớp thời cơ, chỉ đạo chiến lược nhạy bén, sắc sảo nhằm tập trung sức mạnh cao độ cả nước để giành thắng lợi quyết định; thực hiện tốt tư tưởng “*lấy dân làm gốc*”, biết dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; phát huy thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, không ngừng xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng lớn mạnh, đặc biệt là bộ đội chủ lực để sẵn sàng thực hiện tốt nhiệm vụ, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, những trận quyết chiến; không ngừng chăm lo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công - nông làm nền tảng, tích cực đấu tranh vì mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; xây dựng tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và điều hướng đến mục tiêu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội. Những bài học - kinh nghiệm ấy vẫn vẹn nguyên giá trị, tiếp tục được Đảng, Nhà nước ta chất lọc, vận dụng sáng tạo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

(Nguồn: TTXVN/Báo Tin tức)

**Kỷ niệm sinh nhật Bác
(19/5/1890 – 19/5/2022)**



Ngày 18/5/1946, trên trang nhất báo Cứu Quốc xuất bản tại Hà Nội có đăng một bài báo đặc biệt với tựa đề: “*Cụ Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam*”, bài báo đã chính thức thông báo ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: 19/5/1890. Và kể từ thời điểm đó, mỗi dịp tháng 5 về, hàng triệu trái tim người Việt và bạn bè trên khắp thế giới luôn bồi hồi, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam.

Ngày 19/5/1946 cũng là lần đầu tiên một hình thức mừng sinh nhật được tổ chức như để biểu thị khối đại đoàn kết của toàn dân, toàn dân quanh vị lãnh tụ của một quốc gia non trẻ đang đương đầu với những thử thách to lớn. Hôm đó, tại Bắc Bộ phủ, Bác Hồ đã tiếp đại biểu Thiếu nhi Thủ đô, tự vệ, hướng đạo sinh và các đại biểu Nam Bộ đến chúc thọ, Bác đã chụp ảnh chung với các cháu thiếu nhi và nói chuyện với các đại biểu Nam Bộ. Đáp lại tình cảm của mọi người, Bác nói “*Thật ra, các bác ở đây làm to sinh nhật tôi, chứ tuổi 56 chưa có gì đáng chúc thọ, cũng hãy còn như thanh niên cả, mà trước các anh, các chị, trước cảnh êm vui ở Bắc đây, tôi thật thấy làm xấu hổ rằng trong Nam chưa được thái bình*”. Và những năm sau đó cứ đến dịp kỷ niệm ngày sinh của mình, Bác thường dặn trước các địa phương, các cơ quan là không nên tổ chức chúc thọ linh đình, vì Bác sợ tốn thời giờ, tiền bạc của nhân dân, trong lúc đời sống và cuộc chiến đấu của nhân dân còn khó khăn, gian khổ...

Ngày 19/5/1947, giữa lúc chiến tranh lan rộng ra cả nước, sinh nhật Bác diễn ra tại một địa điểm bí mật trên chiến khu ở Sơn Dương (Tuyên Quang) chỉ với một bó hoa rừng của những người thân cận tặng người đứng đầu cuộc kháng chiến. Nhưng Bác đã dành bó hoa ấy để đi viếng người cấp dưỡng của mình vừa qua đời vì sốt rét.

Ngày 19/5/1948, Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân đã gửi thư chúc mừng nhân sinh nhật Bác. Đáp lại những lời chúc mừng, Bác viết thư cảm ơn, có đoạn: “*Đồng bào ưa thích chúc thọ tôi, tôi biết lấy gì, nói gì để báo đáp lại lòng thân ái ấy? Tôi chỉ có một cách báo đáp là kiên quyết*

cùng đồng bào chịu cực, chịu khổ, quyết cùng đồng bào kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn...”.

Ngày 19/5/1949, Bác không muốn tổ chức lễ mừng sinh nhật của mình, và lại lúc này tình hình chiến sự đang ác liệt. Vì thế để trả lời một số ít cán bộ đề nghị tổ chức sinh nhật mình, trước ngày 19/5, Bác đã làm bài thơ “Không đề”:

*“Vì nước nên chưa nghĩ đến nhà
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già
Chờ cho kháng chiến thành công đã
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta”.*

Trước ngày 19/5/1950, tại một cuộc họp cán bộ các cơ quan Trung ương ở Thác Dăng (Tuyên Quang), nhân cuộc họp nhiều đồng chí đến chúc mừng sinh nhật Bác, để cảm ơn và đáp lại lời chúc thọ của mọi người, Bác đã làm bài thơ:

*“Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên
Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe
Trần mà như thế kém gì tiên”.*

Khi ở Hà Nội, đúng ngày 19/5, Bác thường đi làm việc, thăm hỏi một nơi khác để tránh những nghi lễ phiền phức tốn kém. Ngày 19/5/1953, Bác thăm các cháu lớp mẫu giáo nhỏ tuổi, con em của các đồng chí cán bộ các cơ quan Trung ương; Bác nhắc các cô giáo phải cố gắng nuôi dạy các cháu cho chu đáo; Bác còn chụp ảnh chung với cô giáo và các cháu. Trước đó Bác làm bài thơ đọc và gửi đến mọi người, với nhan đề: “Sáu mươi ba tuổi”:

*“Chưa năm mươi đã kêu già
Sáu ba mình vẫn nghĩ là đơng trai
Sống quen thanh đạm nhẹ người
Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung”.*

(Nguồn: Suu tầm)

V. THANH NIÊN CẦN BIẾT

Những điều cần biết về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

TỈNH BẮC NINH

LỊCH SỬ THÀNH LẬP

- Ngày 15 tháng 5 năm 1941: Hội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập bởi lãnh tụ của Đảng Cộng sản Đông Dương Nguyễn Ái Quốc ở gần hang Pác Bó, dưới chân núi Thung Mạ, ở thôn Nà Mạ.
- Các thành viên đầu tiên: Nông Văn Dền (Bí danh Kim Đồng, đội trưởng), Nông Văn Thàn (Bí danh Cao Sơn), Lý Văn Tịnh (Thanh Minh), Lý Thị Ni (Thủy Tiên), Lý Thị Xậu (Thanh Thủy). Người phụ trách Đội đầu tiên là Đức Thanh.

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh là tổ chức của thiếu nhi Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phụ trách.



TỈNH BẮC NINH

LỊCH SỬ TÊN GỌI QUA CÁC THỜI KỲ

Hội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập
Ngày 15/5/1941

Đội TNTP và Hội Nhi đồng cứu quốc sáp nhập làm một và lấy tên là **Đội Thiếu nhi Cứu quốc**
Giữa năm 1946

Đội thiếu nhi cứu quốc đổi tên thành **Đội thiếu nhi tháng Tám**
Tháng 3 năm 1951

Đội thiếu nhi tháng Tám được đổi tên thành **Đội Thiếu niên Tiền phong Việt Nam**
Tháng 11 năm 1956

Đội đổi tên thành **Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh**
Ngày 30/01/1970 đến nay

TỈNH BẮC NINH

KHĂN QUÀNG ĐỎ

Ý NGHĨA

- Khăn quàng đỏ là một phần của cờ Tổ quốc, màu đỏ tượng trưng cho lý tưởng cách mạng.
- Đeo khăn quàng đỏ, Đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tự hào về Tổ quốc, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Bác Hồ vĩ đại, về nhân dân Việt Nam anh hùng và nguyện phấn đấu để trở thành Đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Khăn quàng bằng vải màu đỏ (gọi là khăn quàng đỏ)
Hình tam giác cân, đường cao bằng 1/4 cạnh đáy

Khăn quàng đỏ có kích thước tối thiểu đường cao 0,25m, cạnh đáy 1,00 m

Đội viên đeo khăn quàng đỏ khi đến trường, trong mọi sinh hoạt và hoạt động của Đội.

Phụ trách quàng khăn đỏ khi tổ chức sinh hoạt Đội và tham gia các hoạt động của Đội



TỈNH BẮC NINH

CỜ ĐỘI

Ý NGHĨA

- Tượng trưng cho truyền thống cách mạng, truyền thống Đội, tượng trưng cho lòng yêu Tổ quốc, niềm vinh dự và tự hào của Đội.
- Dưới cờ Đội hàng ngũ sẽ chỉnh tề hơn, thúc giục Đội viên tiến lên.
- Mỗi chi Đội và liên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều có cờ Đội, chiều rộng cờ bằng 2/5 chiều dài cán cờ

Nền đỏ, hình chữ nhật
Chiều rộng bằng 2/3 chiều dài

Ở giữa có huy hiệu Đội
Đường kính huy hiệu bằng 2/5 chiều rộng



TỈNH BẮC NINH

ĐỘI CA



Bài hát: **CÙNG NHAU TA ĐI LÊN**

TÁC GIẢ

Được sáng tác năm 1950

Do có giai điệu và lời ca phù hợp nên đã được chọn làm bài hát chính thức của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

Nhạc sĩ **PHONG NHÃ**
(1924-2020)



TỈNH BẮC NINH

ĐỘI VIÊN

- Thừa nhận Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
- Tự nguyện xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
- Được quá nửa số đội viên trong chi đội đồng ý
- Là thiếu niên Việt Nam từ 9 đến hết 15 tuổi
- Thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy
- Phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng để trở thành Đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- Tuân theo điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
- Giữ gìn danh dự Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh
- Đội viên hết tuổi Đội, chi đội làm lễ trưởng thành Đội

Khẩu hiệu
"Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa
Vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại:
Sẵn sàng!"



Cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ 15/5

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái ký Quyết định số **5/2024/QĐ-TTg ngày 26/3/2024** quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, về nguyên tắc điều chỉnh giá bán điện bình quân, hằng năm, sau khi kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện năm N-2 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, giá bán điện bình quân năm N được xem xét, điều chỉnh theo biến động khách quan thông số đầu vào của tất cả các khâu (*phát điện, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và điều hành - quản lý ngành*) và việc phân bổ các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện. Trong năm, giá bán điện bình quân được xem xét điều chỉnh trên cơ sở cập nhật chi phí khâu phát điện, chi phí mua điện từ các nhà máy điện cung cấp dịch vụ phụ trợ theo thông số đầu vào cơ bản trong khâu phát điện và các khoản chi phí khác chưa được tính vào giá điện. Khi giá bán điện bình quân giảm từ 1% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh giảm tương ứng. Khi giá bán điện bình quân tăng từ 3% trở lên so với giá bán điện bình quân hiện hành thì giá điện được phép điều chỉnh tăng.

Tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước

Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 6/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước **có hiệu lực từ 1/5/2024**.

Nghị định quy định tiêu chuẩn chung áp dụng đối với các chức danh công chức lãnh đạo, quản lý gồm: tiêu chuẩn về chính trị tư tưởng; tiêu chuẩn về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật; tiêu chuẩn về trình độ; tiêu chuẩn về năng lực và uy tín; tiêu chuẩn về sức khỏe, độ tuổi, kinh nghiệm công tác.

Nghị định 29/2024/NĐ-CP quy định cụ thể các tiêu chuẩn đối với từng chức danh công chức lãnh đạo, quản lý thuộc Bộ, thuộc tổng cục và của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.